

10 đề ôn tập giữa học kì 1 môn Toán lớp 1 năm 2019 - 2020

Đề kiểm tra giữa học kỳ 1 Toán lớp 1 - Đề 1

**Câu 1: Tính:**

a.

$$5 + 3 = \dots$$

$$3 + 3 = \dots$$

$$1 + 4 = \dots$$

$$2 + 4 = \dots$$

b.  $3 + 4 + 3 = \dots$

C.  $2 + 3 + 3 = \dots$

**Câu 2: Điền số thích hợp vào chỗ chấm?**

a.

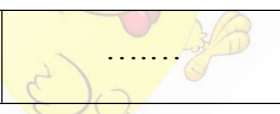
$$\dots + 4 = 6$$

$$\dots = 3 + 2$$

$$3 + \dots = 7$$

$$8 = \dots + 3$$

b.

|   |                                                                                     |   |   |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------|---|---|
| 1 |  | 3 | 4 |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------|---|---|

$$5 < \dots < 7$$

**Câu 3: Điền dấu > , < , =**

$$2 + 3 \dots 4$$

$$4 + 0 \dots 5$$

$$3 + 1 \dots 2 + 3$$

$$3 + 3 \dots 4$$

**Câu 4.**



a. Khoanh vào số bé nhất: 5 , 1 , 4 , 3 , 2 , 7 , 9

b. Khoanh vào số lớn nhất: 5 , 7 , 9 , 4 , 2 , 6 , 8

**Câu 5. Viết các số 8; 4; 2; 5; 6; 9**

a. Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

b. Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

**Câu 6.**

a. Các số bé hơn 10 là: .....

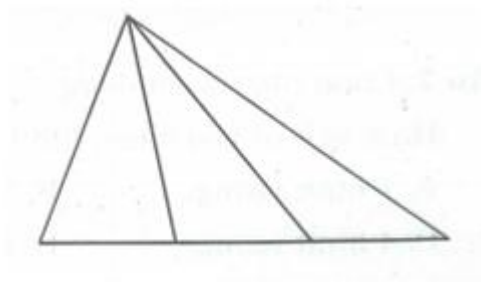
b. Trong các số từ 0 đến 10:

– Số bé nhất là: .....

-Số lớn nhất là: .....

**Câu 7:** Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Hình bên có:



A. 4 hình tam giác

B. 5 hình tam giác

C. 6 hình tam giác.

D. 7 hình tam giác.

**Đáp án Đề kiểm tra giữa học kỳ 1 Toán lớp 1 - Đề 1**

**Câu 1:**

a.  $5 + 3 = 8$

$3 + 3 = 6$

$1 + 4 = 5$



$$2 + 4 = 6$$

b.  $3 + 4 + 3 = 10$

$$2 + 3 + 3 = 8$$

**Câu 2:**

a)  $\boxed{2} + 4 = 6$      $\boxed{5} = 3 + 2$      $3 + \boxed{4} = 7$      $8 = \boxed{5} + 3$   
b) 

|   |   |   |   |
|---|---|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
|---|---|---|---|

 $5 < \boxed{6} < 7$

**Câu 3:**

$$2 + 3 > 4$$

$$4 + 0 < 5$$

$$3 + 1 < 2 + 3$$

$$3 + 3 > 4$$

**Câu 4:**

a) Khoanh vào số bé nhất : 5 ; 1 ; 4 ; 3 ; 2 ; 7 ; 9  
b) Khoanh vào số lớn nhất : 5 ; 7 ; 9 ; 4 ; 2 ; 6 ; 8

**Câu 5:**

Viết các số 8; 4; 2; 5; 6; 9:

a. Theo thứ tự từ bé đến lớn: 2; 4; 5; 6; 8; 9

b. Theo thứ tự từ lớn đến bé: 9; 8; 6; 5; 4; 2

**Câu 6:**

a. Các số bé hơn 10 là: 9; 8; 7; 6; 5; 4; 3; 2; 1; 0

b. Trong các số từ 0 đến 10:

- Số bé nhất là số 0

- Số lớn nhất là số 10

**Câu 7:**

C. 6 hình tam giác

**Đề kiểm tra giữa học kỳ 1 Toán lớp 1 - Đề 2**

**A. Phần Trắc Nghiệm**



1: Số lớn nhất trong các số 5 , 2 , 8 là số:

- A. 5                      B. 2                      C. 8

2: Kết quả của phép tính  $3 + 1$  là:

- A. 4                      B. 3                      C. 2

3:  $\square + 2 = 4$  . Số cần điền vào ô trống là:

- A. 2                      B. 1                      C. 5

4:  $6 < \dots < 8$  Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 7                      B. 5                      C. 9

## B . phần Tự luận

1 Tính :

2

+1

2

+3

0

+5

2

+2

2

<  
>

?

=

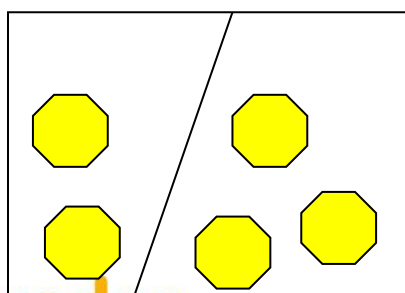
2... 3

4 + 1 .... 4

2 + 0 ... 2

2 ....1 + 3

3: Viết phép tính thích hợp:



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|



**Đề kiểm tra giữa học kỳ 1 Toán lớp 1 - Đề 3**

**1/ Viết số**

a/ Viết các số từ 5 đến 9

|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b/ Viết số (theo mẫu):

|     |
|-----|
| * * |
|-----|

|     |
|-----|
| * * |
| * * |

|       |
|-------|
| * * * |
| * * * |

|       |
|-------|
| * * * |
| * *   |

|         |
|---------|
| * * * * |
| * * * * |

2 ..... ..

**2/ Khoanh vào số lớn nhất (theo mẫu):**

a/ 7, 5, 6, 9      b/ 8, 10, 9      c/ 6, 2, 5

**3/ Tính:**

|       |       |       |       |       |       |
|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 2     | 3     | 1     | 4     | 2     | 5     |
| +1    | +2    | +3    | +1    | +3    | +0    |
| _____ | _____ | _____ | _____ | _____ | _____ |

..... ..



**4/ Tính:**

$1 + 2 = \dots\dots\dots$

$3 + 1 + 1 = \dots\dots\dots$

$2 + 3 = \dots\dots\dots$

$1 + 2 + 1 = \dots\dots\dots$

**5/**

|   |
|---|
| > |
| < |
| = |

 ?

$9 \square 10$

$8 \square 7$

$5 \square 5$

$6 \square 10$

**6/ Điền số thích hợp vào chỗ trống:**

$1 + \square = 2$

$2 + \square = 3$

$2 + \square = 2$

$3 + \square = 4$

**7/ Nối phép tính với số thích hợp:**

$2 + 2$

$2 + 0$

$0 + 3$

$2 + 3$

1

2

5

3

**8/ Hình vẽ bên có:**



.....hình vuông

.....hình tam giác

.....hình tròn



**Đề kiểm tra giữa học kỳ 1 Toán lớp 1 - Đề 4**

**1/ Tính:**

$2 + 3 = \dots\dots\dots$

$2 + 0 + 1 = \dots\dots\dots$

$1 + 3 = \dots\dots\dots$

$1 + 3 + 1 = \dots\dots\dots$

**2.**

Tính  $1 + 1 + 1 + 5 = \dots\dots$

**3/ Số?**

|  |   |  |  |   |  |  |  |  |
|--|---|--|--|---|--|--|--|--|
|  | 1 |  |  | 4 |  |  |  |  |
|--|---|--|--|---|--|--|--|--|

|    |  |  |   |  |  |  |   |  |  |  |
|----|--|--|---|--|--|--|---|--|--|--|
| 10 |  |  | 7 |  |  |  | 3 |  |  |  |
|----|--|--|---|--|--|--|---|--|--|--|

**4/ Số? :**

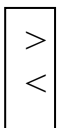
$2 + \square = 4$

$4 + \square = 4$

$\square + 3 = 5$

$\square + 1 = 4$

**5/**



?  $3 + 2 \dots\dots 4$

$2 \dots\dots 2 + 0$

$3 + 1 \dots\dots 5$

$4 \dots\dots 4 + 1$

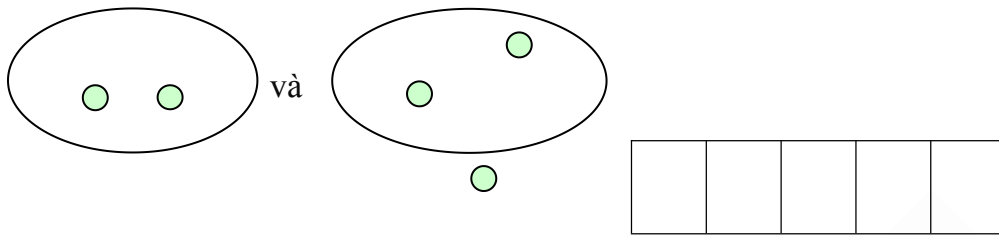
**6/ Viết các số 3 , 7 , 8 , 4 , 6:**

a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....



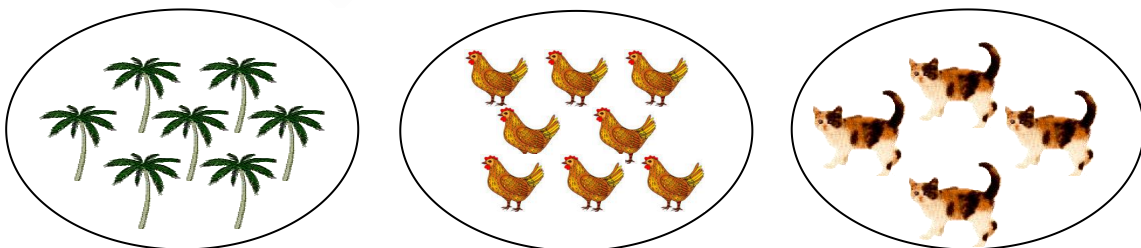
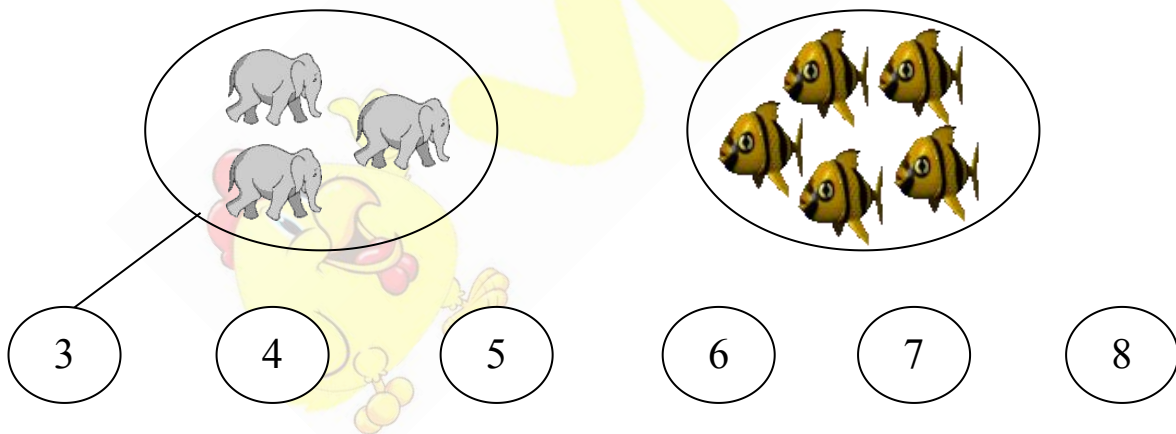
b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

7/ Viết:



### Đề kiểm tra giữa học kỳ 1 Toán lớp 1 - Đề 5

Bài 1: Nói theo mẫu:



**Bài 2:** Xếp các số 1, 5, 9, 3, 7 theo thứ tự từ bé đến lớn :

.....

**Bài 3. Tính :**

a)  $2 + 2 = \dots\dots\dots$   $3 + 2 = \dots\dots\dots$   $3 + 0 = \dots\dots\dots$   $3 + 1 = \dots\dots\dots$

b)

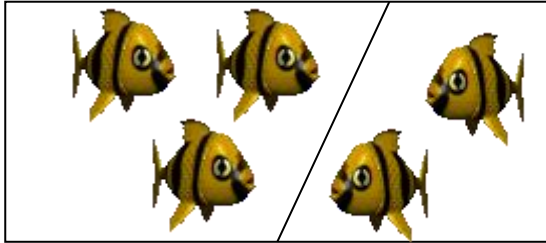
|       |       |       |       |
|-------|-------|-------|-------|
| 2     | 1     | 1     | 5     |
| +     | +     | +     | +     |
| 3     | 4     | 2     | 0     |
| ----- | ----- | ----- | ----- |
| ..... | ..... | ..... | ..... |

c)  $2 + 1 + 1 = \dots\dots\dots$   $2 + 3 + 0 = \dots\dots\dots$

**Bài 4:**

|                          |         |                   |     |         |                   |         |
|--------------------------|---------|-------------------|-----|---------|-------------------|---------|
| $>$<br>?<br>$<$<br>=<br> | $3 + 2$ | $\dots\dots\dots$ | $5$ | $0 + 3$ | $\dots\dots\dots$ | $2 + 1$ |
|                          | $1 + 3$ | $\dots\dots\dots$ | $5$ | $1 + 2$ | $\dots\dots\dots$ | $3 + 1$ |

**Bài 5: Viết phép tính thích hợp :**



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

**Bài 6: Số?**

$$3 + 2 =$$

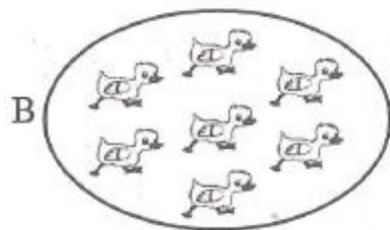
+

**Đề ôn tập giữa kì 1 lớp 1 môn Toán - Đề 6**

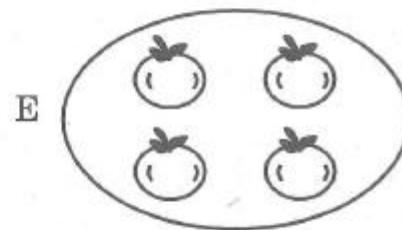
**1. Nối hình với số thích hợp:**



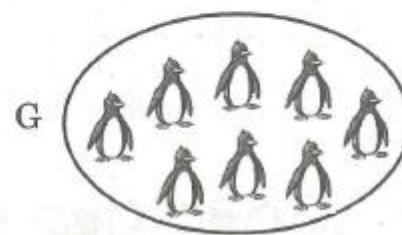
|   |
|---|
| 3 |
| 4 |



|   |
|---|
| 6 |
| 7 |



|    |
|----|
| 9  |
| 10 |



2. Tính:

$3 + 1 = \dots\dots\dots$

$2 + 2 = \dots\dots\dots$

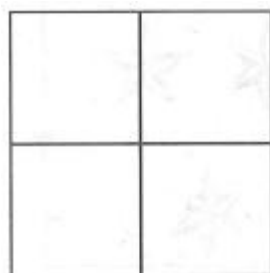
$1 + 1 = \dots\dots\dots$

$1 + 4 = \dots\dots\dots$

3. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$8 < \dots\dots\dots \dots\dots\dots > 9$

4. Hình vẽ bên có:



☐ Hình vuông

## Đáp án Đề ôn tập giữa kì 1 lớp 1 môn Toán - Đề 6

1. Nối hình với số:



A – 3; B-7; C – 9; D – 6; E – 4; G – 8

2. Tính:  $3 + 1 = 4$                        $2 + 2 = 4$

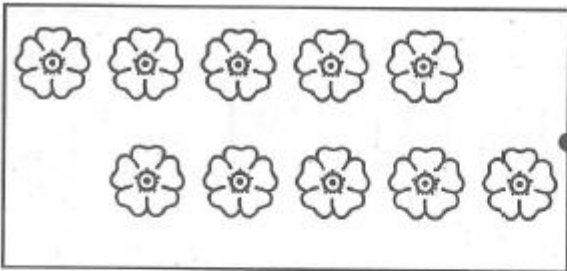
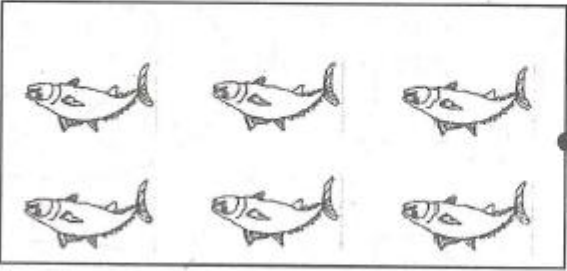
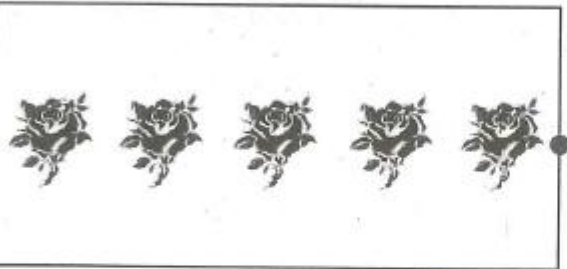
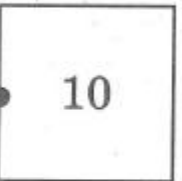
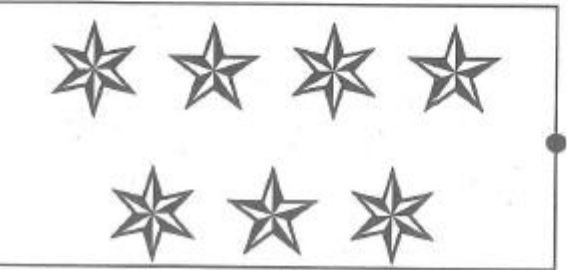
$1 + 1 = 2$                        $1 + 4 = 5$

3. Điền số:  $8 < (9; 10)$ ;  $10 > 9$

4. Hình vẽ bên có 5 hình vuông.

**Đề ôn tập giữa kì 1 lớp 1 môn Toán - Đề 7**

1. Nối hình với số cho phù hợp:

|   |                                                                                     |                                                                                       |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| A |    |    |
| B |    |    |
| C |   |   |
| D |  |  |
| E |  |  |

2. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm (...):

8 ..... 9

4 .....  $2 + 2$

7 ..... 6      3 + 1 ..... 3

3. Nối □ với số thích hợp:

$1 + \square = 1 ;$

$\square + 1 = 4$

2

3

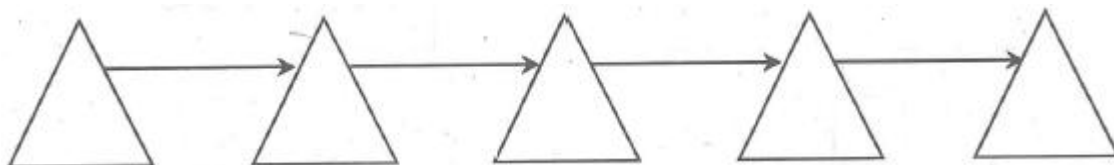
1

0

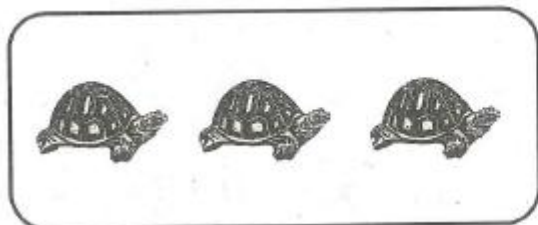
$2 = 1 + \square ;$

$1 + \square = 3$

4. Viết số: 10; 3; 6; 5; 8 theo thứ tự từ lớn đến bé



5. Viết phép tính thích hợp:



và



|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

**Đáp án Đề ôn tập giữa kì 1 lớp 1 môn Toán - Đề 7**

1. Nối: A – 10; B – 6; C- 4; D – 5; E – 7

2.       $8 < 9$        $4 = 2 + 2$

$7 > 6$        $3 + 1 > 3$

3. Nối □ với số thích hợp:

$$1 + \square = 1 \quad ; \quad \square + 1 = 4$$

$$2 = 1 + \square \quad ; \quad 1 + \square = 3$$

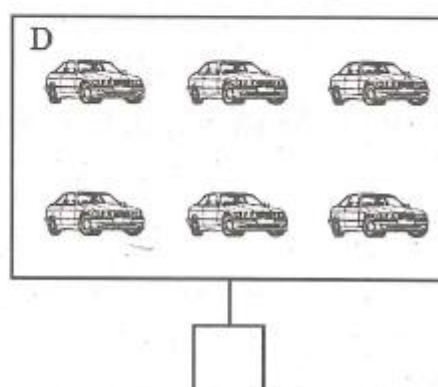
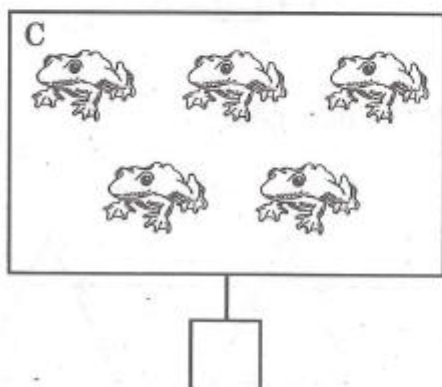
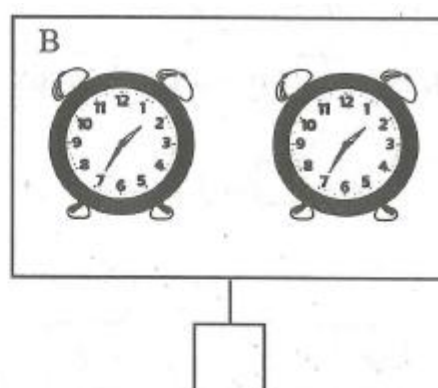
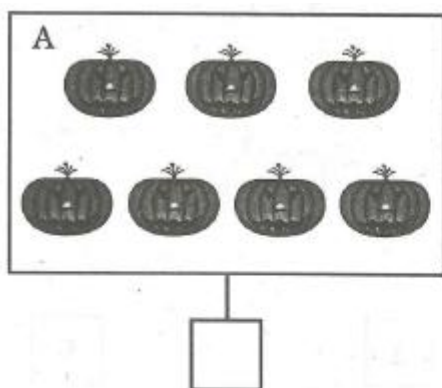
2      3      1      0

4. Viết theo thứ tự từ lớn đến bé: 10; 8; 6; 5; 3.

5. Viết phép tính:  $3 + 1 = 4$ .

### Đề ôn tập giữa kì 1 lớp 1 môn Toán - Đề 8

1. Điền số thích hợp vào ô □:



2. Điền dấu ( $>$ ;  $<$ ;  $=$ ) thích hợp vào ô □:

$8 \square 10$

$4 \square 0$

$6 \square 5$

$10 \square 10$

$9 \square 7$

$5 \square 3 \square 1$

3. a) Tính:

$3 + 0 = \dots\dots\dots; \quad 3 + 2 = \dots\dots\dots; \quad 4 + 1 = \dots\dots\dots;$

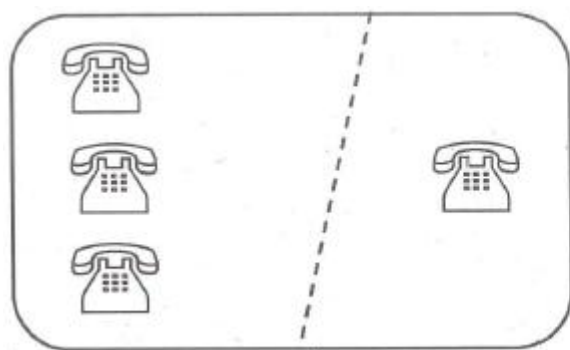
$2 + 2 = \dots\dots\dots; \quad 3 + 1 = \dots\dots\dots; \quad 1 + 2 = \dots\dots\dots;$

b) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$1 + \dots\dots\dots = 3; \quad 2 + \dots\dots\dots = 5; \quad 4 + 1 = \dots\dots\dots$

$3 + \dots\dots\dots = 4; \quad 2 + 1 + \dots\dots\dots = 4; \quad 2 + 3 + \dots\dots\dots = 5$

4. a) Viết phép tính thích hợp:

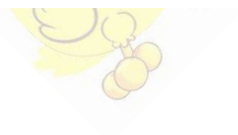


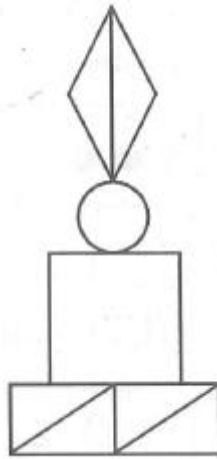
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|

b) Điền số thích hợp vào  $\square$ :

|   |   |  |   |  |
|---|---|--|---|--|
| 5 | = |  | + |  |
|---|---|--|---|--|

5. Tô màu vào hình vẽ bên:





+ Màu đỏ hình vuông (hoặc tô đen)

+ Màu vàng hình tam giác (hoặc gạch xiên)

+ Màu xanh hình tròn (hoặc gạch ô vuông)

### Đáp án Đề ôn tập giữa kì 1 lớp 1 môn Toán - Đề 8

1. A-7; B-2; C-5; D-6

2. Điền dấu < ; > ; =

$$8 < 10 ; \quad 6 > 5 \quad 9 > 7$$

$$4 > 0 ; \quad 10 = 10 \quad 5 > 3 > 1$$

3. a) Tính:

$$3 + 0 = 3 ; \quad 3 + 2 = 5 ; \quad 4 + 1 = 5$$

$$2 + 2 = 4 ; \quad 3 + 1 = 4 ; \quad 1 + 2 = 3$$

b) Điền số:

$$1 + 2 = 3 \quad 2 + 3 = 5 \quad 4 + 0 = 4$$

$$3 + 1 = 4 \quad 2 + 1 + 1 = 4 \quad 2 + 3 + 0 = 5$$

4. a) Viết phép tính:  $3 + 1 = 4$

$$b) 5 = \square + \square \left\{ \begin{array}{l} 0 + 5; 5 + 0 \\ 1 + 4; 4 + 1 \\ 2 + 3; 3 + 2 \end{array} \right.$$

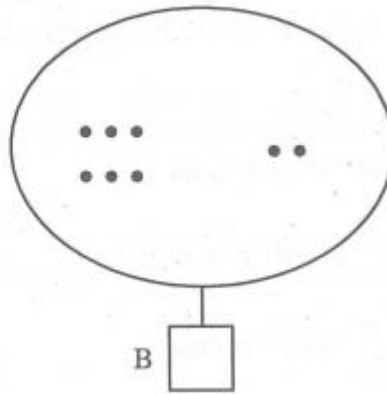
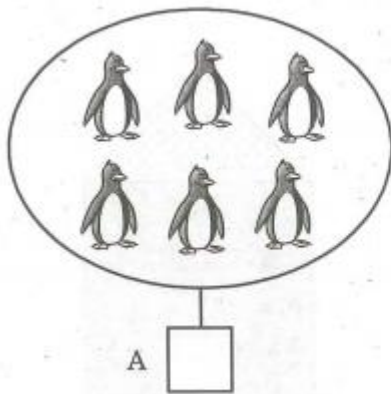
5.





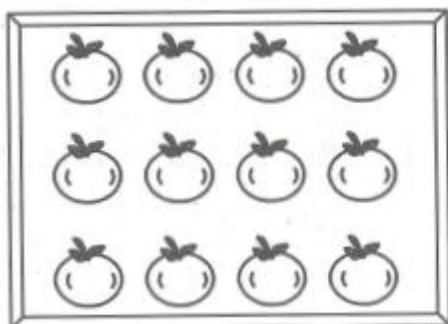
## Đề ôn tập giữa kì 1 lớp 1 môn Toán - Đề 9

1. Điền số thích hợp vào ô trống □:

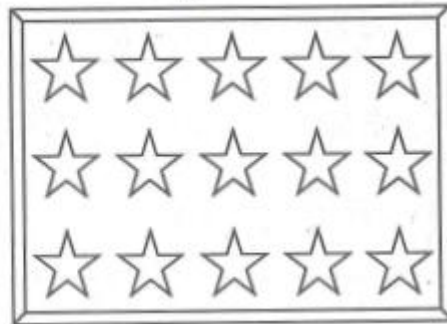


2. Vẽ bao quanh:

\* 7 quả cam



\* 10 ngôi sao

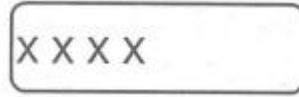


3. Vẽ thêm cho đủ:

\* 6 chấm tròn

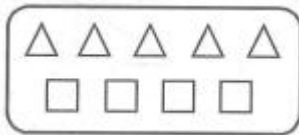


\* 8 dấu chéo

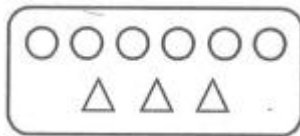


4. Gạch dưới:

\* Hình có nhiều hơn



\* Hình có ít hơn



5. a) Tính:

$$3 + 3 = \dots\dots\dots$$

$$5 + 1 = \dots\dots\dots$$

$$3 + 2 = \dots\dots\dots$$

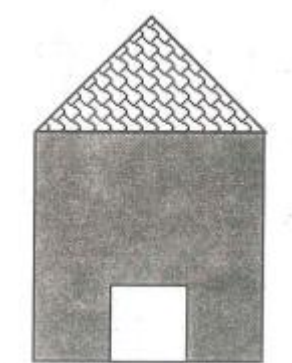
$$1 + 1 + 2 = \dots\dots\dots$$

b) Điền số thích hợp vào chỗ trống:

$$7 < \dots\dots\dots$$

$$\dots\dots\dots > 9$$

6. Hình vẽ bên có:



☐ hình vuông

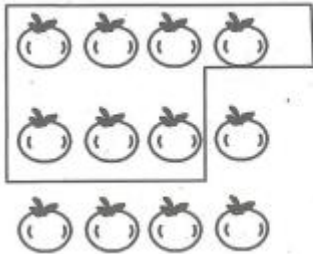


□ hình tam giác

**Đáp án Đề ôn tập giữa kì 1 lớp 1 môn Toán - Đề 9**

1. A – 6; B – 8

2. Vẽ bao quanh:



3. Vẽ thêm cho đủ:

\* 6 chấm tròn



\* 8 dấu chéo



4. Gạch dưới:

\* Hình có nhiều hơn: hình tam giác.

\* Hình có ít hơn: hình tam giác.

5. a) Tính:

$$3+3=6$$

$$5+1=6$$

$$3+2=5$$

$$1+1+2=4$$

b) Điền số:

$$7 < (8; 9; 10)$$

$$10 > 9$$

6. Hình vẽ bên có 1 hình tam giác, 2 hình vuông.

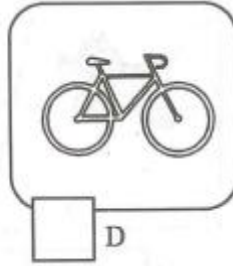
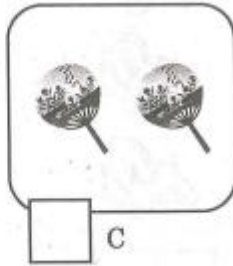
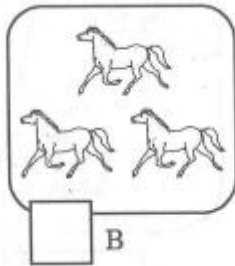
## Đề ôn tập giữa kì 1 lớp 1 môn Toán - Đề 10

1. Viết theo thứ tự các số sau đây: 4, 8, 2, 10, 1

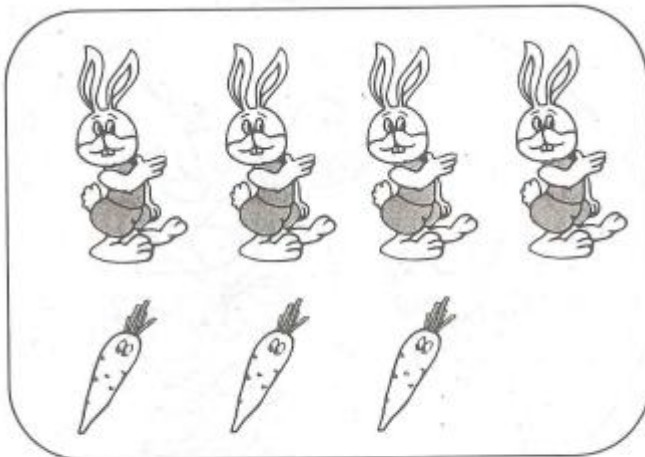
a) Từ bé đến lớn:.....

b) Từ lớn đến bé: .....

2. Điền vào ô trống số thích hợp:

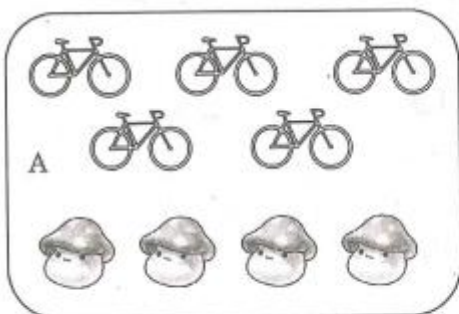


3. Viết (theo mẫu):



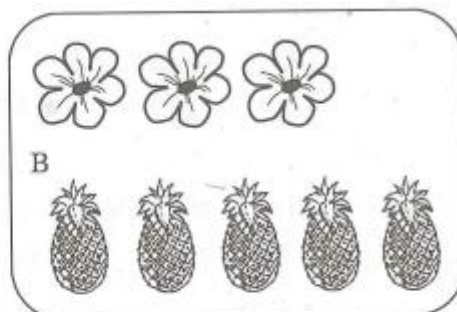
|   |   |   |
|---|---|---|
| 4 | > | 3 |
|---|---|---|

|   |   |   |
|---|---|---|
| 3 | < | 4 |
|---|---|---|



|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

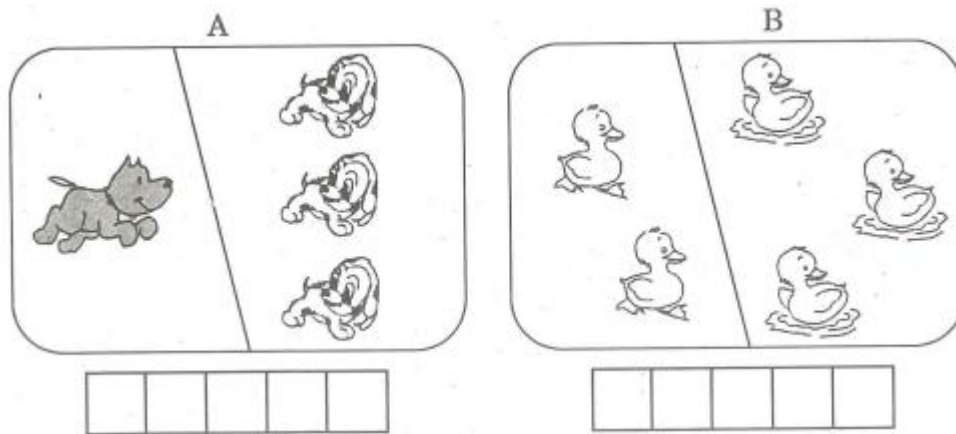
|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|



|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

4. Viết phép tính thích hợp:



**Đáp án Đề ôn tập giữa kì 1 lớp 1 môn Toán - Đề 10**

1. Viết theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn: 1; 2; 4; 8; 10

b) Từ lớn đến bé: 10; 8; 4; 2; 1

2. Số: A – 1; B – 3; C – 2; D – 1

3.

A. 

|   |   |   |
|---|---|---|
| 5 | > | 4 |
|---|---|---|

|   |   |   |
|---|---|---|
| 4 | < | 5 |
|---|---|---|

B. 

|   |   |   |
|---|---|---|
| 3 | < | 5 |
|---|---|---|

|   |   |   |
|---|---|---|
| 5 | > | 3 |
|---|---|---|

4. Viết phép tính:

A.  $1 + 3 = 4$

B.  $2 + 3 = 5$

Ngoài ra các em học sinh có thể tham khảo thêm:

<https://vndoc.com/de-thi-giua-ki-1-lop-1>